

Bản án số: 03/2025/DS-PT  
Ngày: 07-01-2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Thành Trung

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Đặng Văn Hùng

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xét xử trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2024/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Kim H (tên thường gọi là H1), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: V, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

**Người kháng cáo:** ông Nguyễn Kim H là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày và có yêu cầu như sau:

Trước đây bà có cho ông Nguyễn Kim H (tên thường gọi là H1) vay tiền nhiều lần nhưng đã trả xong, sau đó ngày 06/9/2016 bà cho ông H bà T vay 45.000.000 đồng bà T ông H có viết biên nhận cho bà giữ, lần 2 ngày 06/6/2017 số tiền 27.000.000 đồng nên mới viết nhận chung là 72.000.000 đồng, ông H vay vốn nuôi tôm, hứa thu hoạch tôm sẽ trả lại và trả lãi. Sau đó nhiều lần thu hoạch tôm thì ông H không trả vốn và lãi.

Đối với số tiền vay 45.000.000 đồng bà Phạm Thị T là vợ của ông Nguyễn Kim H có ký nhận tiền, lần vay 27.000.000 đồng ông H nhận và ký biên nhận 72.000.000 đồng. Do đó, nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Kim H trả cho bà số tiền vay là 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn Nguyễn Kim H trình bày ý kiến như sau:*

Trước đây không nhớ năm nào vợ của ông chỉ vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 10%/tháng, không đóng lãi nên bà N cộng tiền lãi nhập vào tiền vốn là 8.000.000 đồng, sau đó cũng không trả được tiền vốn và lãi nên bà N tiếp tục cộng lãi nhập vào tiền vốn thành số tiền 20.000.000 đồng, ông cũng không trả được tiền vốn và lãi nên tiếp tục tính tiền lãi nhập vào tiền vốn số tiền là 45.000.000 đồng, bà N buộc vợ chồng ông ký biên nhận ngày 06/9/2016. Đối với biên nhận ngày 06/6/2017 bà N cung cấp ông không thừa nhận chữ viết, chữ ký tên của ông nên không đồng ý trả cho bà N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T trình bày ý kiến như sau:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Kim H (tên thường gọi là H1). Trước đây bà và ông H chỉ vay số tiền 5.000.000 đồng, sau đó không trả đủ tiền lãi nên bà N tính tiền lãi nhập vào tiền vốn nhiều lần số tiền là 45.000.000 đồng và vợ chồng bà có ký biên nhận ngày 06/9/2016 như ông H trình bày và xác định ông H không vay số tiền 72.000.000 đồng. Do đó bà thống nhất ý kiến của ông H để trưng cầu giám định, trường hợp nếu đúng chữ viết, chữ ký của ông H thì ông H sẽ trả tiền theo yêu cầu của bà N nhưng qua kết quả giám định xác định chữ viết, chữ ký của ông H trong biên nhận nhưng bà không đồng ý để ông H trả vì không vay mượn số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 91, 147, 161, 162, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Buộc ông Nguyễn Kim H (tên thường gọi là H1) có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*) cho bà Trần Thị N. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2024 ông Nguyễn Kim H kháng cáo không đồng ý trả cho bà N số tiền 72.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Kháng cáo của ông Nguyễn Kim H không có cơ sở, ông H không đưa ra được chứng cứ nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Kim H phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Kim H trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông H không đồng ý trả cho bà Trần Thị N số tiền 72.000.000 đồng.

Ông H thừa nhận năm 2012 bà T vợ ông có vay của bà N 5.000.000 đồng lãi suất 10%/ tháng, do không tiền trả vốn và lãi nên năm 2016 bà N buộc vợ ông ký nợ vốn và lãi bằng 45.000.000 đồng.

Tờ biên nhận vay tiền ngày 6/6/2017 số tiền 72.000.000 đồng là ông không có vay và ký tên và cũng không có nhận tiền một lần bằng 45.000.000 đồng một lần bằng 27.000.000 đồng như bà N khai.

Bà N khai ngày 06/9/2016 cho vợ chồng ông H vay 45.000.000 đồng bà T viết biên nhận ngày 06/9/2016 ông H có ký tên. Sau đó ông H có vay thêm 27.000.000 đồng nên ông H có viết biên nhận ngày 06/6/2017 cộng hai khoản bằng 72.000.000 đồng.

Ông H không thừa nhận có vay của bà N 72.000.000 đồng và không có viết biên nhận này 06/6/2017. Tuy nhiên, theo kết quả giám định số 329/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K công an tỉnh T thì chữ ký tên và chữ viết trong tờ biên nhận ngày 06/6/2017 so với các chữ viết và ký tên trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Ông H không có chứng cứ nào khác chứng minh không có vay của bà N 72.000.000 đồng.

[3] Ông H cho rằng vào năm 2011 chỉ có vay của bà N 5.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/ tháng. Tuy nhiên lãi suất 10%/ tháng từ tháng 1 năm 2011 đến 6/9/2016 vốn và lãi chỉ 35.000.000 đồng. Ông H cho rằng vốn lãi đến ngày 6/9/2016 vốn lãi bằng 45.000.000 đồng bà N buộc ông ký tên là không có cơ sở.

Tương tự như trên, từ ngày 06/9/2016 đến ngày 06/6/2017 số vốn 45.000.000 đồng lãi suất 10%/tháng thì vốn lãi bằng 85.500.000 đồng chứ không phải là 72.000.000 đồng như tờ biên nhận do bà N cung cấp.

Từ các chứng cứ nêu trên, yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được chấp nhận

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Kim H không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim H (Hiếu).

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Kim H (tên thường gọi là H1) có nghĩa vụ trả số tiền 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*) cho bà Trần Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Kim H phải chịu 300.000 đồng. Ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011273 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang nên cản trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS Huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Trung**